TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 362 /2017/DS - ST
Ngày: 25/8/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư
2. Bà Thái Thục Hiền.

-Thư ký phiên toà : Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Ngon – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2015/TLST-DS ngày 24/11/2015 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2017/QĐXXST - DS ngày 19/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 99/2017/QĐST-DS ngày 07/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Trụ sở: 266-268 Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc K (theo Giấy ủy quyền ngày 10/7/2015).

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Ức M, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: 370/4A Đường B, Phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 09/7/2015, biên bản tự khai ngày 05/01/2016 và ngày 18/7/2017 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đại diện nguyên đơn ông Lê Ngọc K trình bày:

Ngày 15/7/2010, bà Phạm Thị Ức M có ký với ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà M, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất là 2,15%/ tháng và thứ tự thanh toán nợ là các khoản phí, lãi, gốc. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 140.805.936đ (một trăm bốn mươi triệu tám trăm lẻ năm ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà M đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 100.908.971đ (một trăm triệu chín trăm lẻ tám ngàn chín trăm bảy mươi mốt đồng). Do bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà M vẫn không thanh toán số nợ, nên ngày 16/8/2012 ngân hàng đã chấm dứt Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với bà M. Số tiền nợ gốc tính đến ngày 16/8/2012 là 72.867.754đ (bảy mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi bốn đồng). Toàn bộ số dư nợ được chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất là 3,225%/ tháng (2,15% x 150%) và thứ tự ưu tiên thanh toán là gốc, lãi. Sau khi chấm dứt hợp đồng bà M có tiếp tục thanh toán cho ngân hàng nhiều lần với tổng số tiền tính đến ngày 15/01/2016 là 18.922.000đ (mười tám triệu chín trăm hai mươi hai ngàn đồng). Sau đó bà M ngưng không thanh toán nữa. Nay ngân hàng yêu cầu Tòa buộc bà M phải thanh toán toàn bộ tiền gốc là 53.945.754đ (năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi bốn đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử với lãi suất quá hạn là 3.225%/ tháng là 120.179.177đ (một trăm hai mươi triệu một trăm bảy mươi chín ngàn một trăm bảy mươi bảy đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, tiền lãi sẽ được tính tiếp tục cho đến khi bà M thanh toán hết số nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị Ức M đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do bị đơn cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể thu được lời khai, tài liệu, chứng cứ và cũng không thể tiến hành hòa giải, đối chất được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8: Ông Nguyễn Văn Ngon phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do phù hợp với quy định của bộ luật dân sự .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì đây là vụ án dân sự " Tranh chấp hợp đồng tín dụng", do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí

Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Phạm Thị Ức M đúng theo quy định tại các điều 171, 172, 173, 174, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 17/8/2017 ông Lê Ngọc K là đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét về thời hiệu: Ngày 16/8/2012 Ngân hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với bà M do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên bà M vẫn tiếp tục thanh toán phần nợ gốc cho ngân hàng đến 15/01/2016 mới ngưng không thanh toán. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 162 Bộ luật dân sự năm 2005 tính lại thời hiệu khởi kiện cho nguyên đơn bắt đầu từ ngày 16/01/2016.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Phạm Thị Ức M đến Tòa án để cung cấp lời khai, chứng cứ nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt nên đương sự này phải chịu mọi hậu quả pháp lý bất lợi (nếu có) do việc vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập và lời khai của đại diện nguyên đơn tại các biên bản tự khai ngày 05/01/2016, ngày 18/7/2017; bảng chiết tính ngày 25/8/2017 thể hiện:

Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/7/2010 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), ngân hàng đã cấp hạn mức sử dụng là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), lãi suất 2,15%/ tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ bà M đã thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền là 140.805.936đ (một trăm bốn mươi triệu tám trăm lẻ năm ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng). Đồng thời cũng thanh toán cho ngân hàng nhiều lần với tổng số tiền là 119.830.971đ (một trăm mười chín triệu tám trăm ba mươi ngàn chín trăm bảy mươi mốt đồng). Tính đến tháng 01/2016 tổng nợ gốc bà M còn nợ là 53.945.754đ (năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 86.079.881đ (tám mươi sáu triệu không trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm tám mươi mốt đồng). Do vậy có đủ cơ sở để xác định việc giao dịch giữa ngân hàng với bà M là có thật và các khoản nợ trên là có thật, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết.

Xét về trách nhiệm trả nợ:

Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/7/2010 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), ngân hàng đã cấp hạn mức sử dụng là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), lãi suất 2,15%/

tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Bà M ký với tư cách cá nhân với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Tại bảng chiết tính ngày 25/8/2017 có căn cứ cho thấy bà M đã thực hiện các giao dịch với số tiền là tổng số tiền là 140.805.936đ (một trăm bốn mươi triệu tám trăm lẻ năm ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng). Đồng thời cũng thanh toán cho ngân hàng nhiều lần nhưng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nhiều lần nên ngày 16/8/2012 Ngân hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với bà M do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên bà M vẫn tiếp tục thanh toán phần nợ gốc cho ngân hàng đến 15/01/2016 mới ngưng không thanh toán. Tổng nợ gốc còn lại là 53.945.754đ (năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi bốn đồng). Do đã chấm dứt hợp đồng nên toàn bộ tiền lãi phát sinh sau ngày 16/8/2012 bị chuyển thành lãi quá hạn với lãi suất là 3.225%/ tháng. Tổng tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 120.179.177đ (một trăm hai mươi triệu một trăm bảy mươi chín ngàn một trăm bảy mươi bảy đồng). Xét thấy yêu cầu bà Phạm Thị Ức M thanh toán khoản tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh của ngân hàng thương mại cổ phần S là có căn cứ cần chấp nhận.

Buộc bà Phạm Thị Ức M có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc là 53.945.754đ (năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi bốn đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 120.179.177đ (một trăm hai mươi triệu một trăm bảy mươi chín ngàn một trăm bảy mươi bảy đồng), tiền lãi sẽ được tính tiếp tục với lãi suất quá hạn phát sinh trên số vốn gốc thực nợ cho đến khi bà M thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà Phạm Thị Ức M phải chịu toàn bộ án phí .

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 4, 122, 162, 401, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các điều 26, 35, 36, 39, 147, 173, 174, 227, 228, 238, 266, 269, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các điều 2, 91, 95, 123 của Luật các tổ chức tín dụng.

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

1.Tuyên xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị Ức M.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bà Phạm Thị Ức M có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn gốc là 53.945.754đ (năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi bốn đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 120.179.177đ (một trăm hai mươi triệu một trăm bảy mươi chín ngàn một trăm bảy mươi bảy đồng); Tổng cộng là 174.124.931đ (một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi mốt đồng). Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm là 8.706.247đ(tám triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng) bà Phạm Thị Ức M phải chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.268.544đ (ba triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000417 ngày 11/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ chí Minh xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THA DS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thúy Minh